

*
Số 30 -QĐ/HĐTD

Quảng Bình, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả điểm phỏng vấn (Vòng 2)

kỳ tuyển dụng công chức, viên chức vào công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, năm 2020

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức, ngày 13/11/2008; Luật Viên chức, ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV, ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP; Thông tư số 15/2012/TT-BNV, ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức và Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Hướng dẫn số 37-HD/BTCTW, ngày 04/8/2015 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung trong tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Kế hoạch số 152-KH/TU, ngày 02/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức, viên chức, năm 2020; Quyết định số 2169-QĐ/TU, ngày 02/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức vào công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, năm 2020;

Căn cứ kết quả chấm điểm phỏng vấn (vòng 2) của Ban kiểm tra sát hạch và đề nghị của Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tuyển dụng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả điểm phỏng vấn (vòng 2), kỳ tuyển dụng công chức, viên chức vào công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối Đảng, Mặt trận

Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, năm 2020 đối với 69 thí sinh (Có bảng kết quả kèm theo), kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức (khôi Đảng, Mặt trận và đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện, năm 2020) thông báo kết quả phỏng vấn cho thí sinh; căn cứ quy định của pháp luật để tiến hành thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c),
- Lưu HĐTD, VT.

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

K/T CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Tuấn

TUV, PHÓ TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY

Quảng Bình, ngày 24 tháng 8 năm 2020

KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỐI ĐẢNG, MẶT TRẬN
VÀ ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, NĂM 2020

(THI TUYỂN VÀO CÔNG CHỨC)

(Kèm theo Quyết định số 30 -QĐ/HĐTD, ngày 24 tháng 08 năm 2020, của Hội đồng tuyển dụng)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Kết quả điểm phỏng vấn		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	01	Nguyễn Thái An	Nữ	16/10/1994	97.5	Chín mươi bảy phẩy năm	
2	02	Đoàn Ngọc Thúy Anh	Nữ	15/10/1991	85	Tám mươi lăm	
3	03	Lê Ngọc Cường	Nam	10/11/1992	88.5	Tám mươi tám phẩy năm	
4	04	Trần Trọng Đắc	Nam	23/8/1984	85.5	Tám mươi lăm phẩy năm	
5	05	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	20/6/1979	96.5	Chín mươi sáu phẩy năm	
6	06	Nguyễn Anh Dũng	Nam	06/11/1977	85	Tám mươi lăm	
7	07	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	20/11/1990	80	Tám mươi	
8	08	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	10/8/1986	90.5	Chín mươi phẩy năm	
9	09	Phan Thị Thùy Dương	Nữ	20/4/1983	90	Chín mươi	
10	10	Trần Thị Hương Giang	Nữ	09/02/1981	90	Chín mươi	
11	11	Hoàng Lam Giang	Nữ	30/4/1997	77	Bảy mươi bảy	
12	12	Hoàng Thị Việt Hà	Nữ	03/5/1982	80	Tám mươi	
13	13	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	13/01/1985	86.5	Tám mươi sáu phẩy năm	
14	14	Bùi Thị Hải	Nữ	02/9/1988	97.5	Chín mươi bảy phẩy năm	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Kết quả điểm phỏng vấn		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
15	15	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	20/3/1990	85	Tám mươi lăm	
16	16	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	28/02/1987	95	Chín mươi lăm	
17	17	Hoàng Thị Hiền	Nữ	20/12/1989	80	Tám mươi	
18	18	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	10/9/1990	54.25	Năm mươi bốn phẩy hai lăm	
19	19	Đinh Thị Bích Hiếu	Nữ	28/02/1989	85	Tám mươi lăm	
20	20	Trần Thị Ngân Hoa	Nữ	22/01/1980	87	Tám mươi bảy	
21	21	Hà Thị Lệ Hoa	Nữ	10/3/1989	92.5	Chín mươi hai phẩy năm	
22	22	Trần Thị Hóa	Nữ	25/12/1980	91.5	Chín mươi một phẩy năm	
23	23	Trương Thị Thu Hoài	Nữ	26/4/1986	92.25	Chín mươi hai phẩy hai lăm	
24	24	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	15/01/1993	91	Chín mươi một	
25	25	Đinh Thị Thiên Hương	Nữ	03/6/1990	84	Tám mươi tư	
26	26	Nguyễn Thị Xuân Hương	Nữ	28/10/1977	80	Tám mươi	
27	27	Hoàng Thị Thu Hương	Nữ	26/10/1980	80	Tám mươi	
28	28	Phạm Thị Hồng Hương	Nữ	14/10/1983	93.88	Chín mươi ba phẩy tám tám	
29	29	Phan Thị Hường	Nữ	23/02/1979	84	Tám mươi tư	
30	30	Mai Thị Ngọc Lan	Nữ	20/12/1988	90	Chín mươi	
31	31	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	28/10/1989	90	Chín mươi	
32	32	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	29/4/1997	52.5	Năm mươi hai phẩy năm	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Kết quả điểm phỏng vấn		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
33	33	Phạm Thị Thùy Loan	Nữ	11/9/1990	95	Chín mươi lăm	
34	34	Cao Tiến Lợi	Nam	04/02/1997	97.5	Chín mươi bảy phẩy năm	
35	35	Nguyễn Trần Hà Ly	Nữ	02/10/1989	90	Chín mươi	
36	36	Hoàng Đình Hoa Khai	Nam	01/02/1979	97.25	Chín mươi bảy phẩy hai lăm	
37	37	Bùi Thị Kim	Nữ	04/4/1975	85	Tám mươi lăm	
38	38	Đặng Thị Trà My	Nữ	13/02/1991	92.5	Chín mươi hai phẩy năm	
39	39	Lê Phương Nam	Nam	26/4/1993			Vắng thi
40	40	Đinh Thị Huyền Nga	Nữ	12/4/1989	95	Chín mươi lăm	
41	41	Nguyễn Thị Ngà	Nữ	06/8/1990	92.25	Chín mươi hai phẩy hai lăm	
42	42	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	22/4/1983	83.5	Tám mươi ba phẩy năm	
43	43	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	02/04/1988	90.5	Chín mươi phẩy năm	
44	44	Trương Như Nhân	Nam	01/3/1988	89	Tám mươi chín	
45	45	Hoàng Thị Hạ Nhung	Nữ	10/8/1993	86.5	Tám mươi sáu phẩy năm	
46	46	Phạm Thị Hồng Phương	Nữ	10/02/1988	80	Tám mươi	
47	47	Nguyễn Thị Phương	Nữ	04/5/1984	95	Chín mươi lăm	
48	48	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	08/7/1991	90	Chín mươi	
49	49	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	21/01/1986	75	Bảy mươi lăm	
50	50	Lê Thị Tâm	Nữ	03/01/1987	92	Chín mươi hai	

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Kết quả điểm phỏng vấn		Ghi chú	
					Bảng số	Bảng chữ		
51	51	Nguyễn Hồng	Tâm	Nam	20/12/1986	94.13	Chín mươi bốn phẩy mười ba	
52	52	Lê Thị Minh	Tâm	Nữ	19/4/1989	98	Chín mươi tám	
53	53	Hoàng Thị Phương	Thắm	Nữ	26/01/1993	87.5	Tám mươi bảy phẩy năm	
54	54	Cao Thị	Thanh	Nữ	08/8/1986	85	Tám mươi lăm	
55	55	Phạm Thị	Thảo	Nữ	24/02/1994	89.5	Tám mươi chín phẩy năm	
56	56	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	28/02/1984	94.5	Chín mươi bốn phẩy năm	
57	57	Trần Ngọc	Thu	Nữ	14/10/1994	85	Tám mươi lăm	
58	58	Diệp Thị Huyền	Thương	Nữ	13/02/1981	85	Tám mươi lăm	
59	59	Ngô Thị Hoài	Thương	Nữ	05/5/1992	97.5	Chín mươi bảy phẩy năm	
60	60	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	10/5/1985	90	Chín mươi	
61	61	Đỗ Trung	Toản	Nam	18/5/1981	90	Chín mươi	
62	62	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/8/1990	71.5	Bảy mươi một phẩy năm	
63	63	Trần Nam	Trung	Nam	26/8/1984	87.5	Tám mươi bảy phẩy năm	
64	64	Phan Ngọc	Trung	Nam	21/10/1992	89.5	Tám mươi chín phẩy năm	
65	65	Đinh Thị	Tuyệt	Nữ	12/9/1988	95	Chín mươi lăm	
66	66	Trần Thanh	Vân	Nữ	08/8/1992	90	Chín mươi	
67	67	Lê Nguyễn Ngọc	Vũ	Nam	29/6/1995	80	Tám mươi	
68	68	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	15/01/1985	95	Chín mươi lăm	

Danh sách này gồm có: 68 thí sinh

Quảng Bình, ngày 24 tháng 8 năm 2020

KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI ĐẢNG, MẶT TRẬN
VÀ ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, NĂM 2020

(XÉT TUYỂN VÀO VIÊN CHỨC)

(Kèm theo Quyết định số 30 -QĐ/HĐTD, ngày 24 tháng 08 năm 2020, của Hội đồng tuyển dụng)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Kết quả điểm phỏng vấn		Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ	
1	01	Phạm Thị Thùy Vân	Nữ	24/5/1993	94.25	Chín mươi bốn phẩy hai lăm	

Danh sách này gồm có: 01 thí sinh